

ĐẶC ĐIỂM NGHI LỄ TÔN GIÁO TẠI TƯ GIA CỦA TÍN ĐỒ ĐẠO TỬ ÂN HIẾU NGHĨA Ở HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Tóm tắt: Tri Tôn (An Giang) là vùng đất được chọn bởi đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa từ buổi đầu khởi dựng với bao thăng trầm để có thể phát triển và tồn tại hơn trăm năm nay. Không sai, khi bảo đây là thánh địa của đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa, bởi mật độ dày về số lượng tín đồ, cơ sở thờ tự và các hoạt động tôn giáo. Hàng ngày, người tín đồ chân chính nơi đây vẫn kiên trì thực hành tôn giáo theo lời chỉ dạy của Thầy Tổ - Đức Bổng Sư Ngô Lợi. Họ không chỉ tham gia các lễ cúng diễn ra tại các cơ sở thờ tự cộng đồng của đạo mà còn nghiêm túc thực hành các nghi lễ diễn ra tại tư gia. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, những lễ thức này vẫn được giữ gìn và lưu truyền. Dù đó là việc hành trì công phu thường nhật hay là các sự kiện trọng đại gắn liền với gia đình, như: quan, hôn, tang, tế, người tín đồ Tử Ân Hiếu Nghĩa luôn cho thấy được nét đẹp và sự riêng biệt trong đời sống tôn giáo. Bài viết trình bày về nghi lễ tôn giáo tại tư gia của tín đồ Tử Ân Hiếu Nghĩa ở Tri Tôn, An Giang với những đặc điểm lễ thức và ý nghĩa, qua đó, phản ánh được cái hay, cái đẹp và sự đặc trưng của tôn giáo này.

Từ khóa: Đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa, nghi lễ, hôn nhân, tang ma, giỗ kỵ, Tri Tôn, An Giang.

Dẫn nhập

Nếu như đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa phát triển mạnh trên địa bàn tỉnh An Giang về số lượng lẫn quy mô thì huyện Tri Tôn (An Giang) được xem là trung tâm của đạo. Được chọn là nơi để khai hoang lập thôn từ

* Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 13/12/2023; Ngày biên tập: 3/1/2024; Duyệt đăng: 14/4/2024.

khi đạo về đây, địa bàn huyện Tri Tôn đã trở thành thánh địa của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Theo thống kê của Văn phòng Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa, “trên toàn quốc có khoảng 60.000 tín đồ, trong đó tỉnh An Giang có khoảng 36.000 tín đồ và riêng huyện Tri Tôn có khoảng 25.000 tín đồ” [Hội đoàn Tứ Ân Hiếu Nghĩa, 2015: 8]. Khắp trên địa bàn huyện hầu như đều có mặt của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, mà tiêu biểu là các xã Lương Phi, Lê Trì và thị trấn Ba Chúc.

Không chỉ nổi trội về số lượng tín đồ mà huyện Tri Tôn còn là địa phương có nhiều nhất về cơ sở thờ tự của đạo. Hầu hết, các cơ sở thờ tự (chùa, đình, miếu, mộ hương, Tam Bửu gia) đều tập trung ở huyện Tri Tôn. Trong tổng số “75 cơ sở thờ tự của Đạo phân bố ở các địa phương có tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa sinh sống, tỉnh An Giang đã có 42 cơ sở và có đến 37 cơ sở thuộc địa bàn huyện Tri Tôn” [Ban Tôn giáo Chính phủ, Trường Nghiệp vụ công tác tôn giáo, 2015: 85]. Về cơ cấu tổ chức, với 24 gánh mà đạo đã phân chia tính đến thời điểm hiện nay thì cả 24 gánh đều thuộc địa phận huyện Tri Tôn.

Vì là trụ sở chính nên huyện Tri Tôn là địa bàn diễn ra nhiều nhất các hoạt động tôn giáo của đạo. Hàng năm, vào những dịp lễ lớn như: lễ Vía Đức Bồn sư (13/10 âm lịch), lễ Vía Đức Phật Vương (24/4 âm lịch), lễ Khai Đạo (5/5 âm lịch)... những hoạt động tôn giáo được diễn ra long trọng và quy mô, với sự hội tụ đông đảo tín đồ trong và ngoài thôn về tham dự.

Thực hiện tôn chỉ “Hành tứ ân - sống hiếu nghĩa - vì đại đoàn kết toàn dân tộc” và giữ gìn nét đẹp trong tín ngưỡng tôn giáo mà Đức Bồn sư chỉ dạy, người dân là tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa thuộc huyện Tri Tôn đã sống và hành đạo theo chủ trương “tốt đời, đẹp đạo”. Họ có một niềm tin sâu sắc vào đạo và ngày ngày vẫn kiên trì tu học. Từ việc thực hành nghi thức tôn giáo tại tư gia cho đến tại các cơ sở thờ tự cộng đồng đều được thực hiện nghiêm túc trên tinh thần tự nguyện. Có thể nói, Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một trong những tôn giáo có hoạt động nghi lễ diễn ra trong năm nhiều nhất thuộc địa bàn tỉnh An Giang. Hầu như tháng nào cũng có lễ cúng, từ nhỏ đến lớn, từ không gian cơ sở thờ tự của cộng đồng đến tư gia của mỗi tín đồ. Theo thống kê, trong một năm, chùa Tứ Ân Hiếu Nghĩa diễn ra 23 lễ lớn, đình Tứ

Ân Hiếu Nghĩa diễn ra hai lễ lớn (lễ Kỳ Yên và Lạp Miếu), miếu Tứ Ân Hiếu Nghĩa diễn ra một lễ lớn (lễ Cầu An), Tam Bửu gia có hai lễ lớn (Chánh Đán và Đoan Ngũ). Còn tại tư gia của mỗi tín đồ, hoạt động nghi lễ chủ yếu diễn ra vào hai ngày lễ lớn là cúng Chánh Đán và Đoan Ngũ. Ngoài ra, tùy theo từng gia đình mà có thêm hoạt động cúng Đồi Kỵ cho người đã khuất hay các hoạt động nghi lễ diễn ra vào các dịp hôn quan tang tế của gia chủ.

Dù hoạt động nghi lễ diễn ra tại cơ sở thờ tự cộng đồng hay tại tư gia, tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều nghiêm túc thực hành với một niềm tin tôn giáo sâu sắc. Đến với huyện Tri Tôn mà đặc biệt là thị trấn Ba Chúc vào bất kỳ thời điểm nào trong năm cũng dễ dàng bắt gặp hoạt động thực hành nghi lễ tôn giáo của tín đồ. Mỗi hoạt động thực hành tôn giáo đều thể hiện tư tưởng giáo lý của đạo, cái hay, cái độc đáo trong đời sống tôn giáo của tín đồ theo đạo. Nó vừa mang đặc điểm chung của những tôn giáo nội sinh có mặt trên địa bàn tỉnh An Giang, vừa có nét đặc trưng riêng.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là tôn giáo nội sinh của Việt Nam, có tuổi đời chưa cao nhưng lại chứa đựng nhiều điều thú vị về văn hóa, đặc biệt là văn hóa tâm linh. Cho nên, tôn giáo này được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực từ văn hóa, lịch sử đến tôn giáo. Đến nay, nhiều công trình nghiên cứu về tôn giáo này đã được công bố. Tác giả Hà Tân Dân với công trình *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa* (1971) là công trình nghiên cứu chính thống về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, xuất hiện khá sớm. Công trình là sự tổng hợp các thông tin và sự kiện liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của Đạo trong thời kỳ thuộc Pháp. Trong luận án tiến sĩ của tác giả Trần Hồng Liên: *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975* (1995) có đề cập đến sự hình thành và phát triển của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với tư cách là một giáo phái có nguồn gốc từ giáo lý Phật giáo. Một công trình có thể nói là gần nhất về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là của tác giả Đinh Văn Hạnh: *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt ở Nam Bộ (1876 – 1975)* (1999). Đây là cuốn sách được công bố trên cơ sở luận án Tiến sĩ của tác giả. Tác giả Đinh Văn Hạnh đã nghiên cứu về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa từ lịch

sử hình thành, đặc điểm tổ chức cho đến các hoạt động tôn giáo thể hiện đời sống đạo của tín đồ, như: đức tin, nghi thức thờ phụng, nghi lễ tôn giáo. Trong *Sổ tay hành hương đất phương Nam* (2002) của Viện Nghiên cứu Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, khi tổng hợp về những nét văn hóa tâm linh ở vùng đất Nam Bộ, nhóm tác giả đã dành một mục để giới thiệu về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với những nét khái quát về lịch sử hình thành và phát triển, về người sáng lập đạo, về cơ sở thờ tự, về những nghi lễ và thực hành nghi lễ. Nguyễn Phước Tài, trong luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Triết học của mình: *Mối quan hệ giữa các tôn giáo từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến Phật giáo Hòa Hảo ở tỉnh An Giang* (2013), đã trình bày tổng quan về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và dừng lại ở đặc điểm giáo lý của Đạo. Một luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Triết học khác của Đặng Văn Tuấn có tên là *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và ảnh hưởng của nó đối với cộng đồng người Việt ở Nam Bộ hiện nay* (2012). Công trình giới thiệu khái quát về đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và phân tích những ảnh hưởng của tôn giáo này đối với người Việt ở Nam Bộ về mặt tâm linh. Trên tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo có những bài viết, như: “Các đạo của nông dân châu thổ sông Cửu Long từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến đạo Lành và đạo Ông Nhà Lớn” (2008) của tác giả Mai Thanh Hải, “Truyền thống yêu nước của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa” (2009) của tác giả Hồng Điệp. Những bài viết này cũng chỉ điểm qua đôi nét, hoặc đi sâu phân tích về một khía cạnh riêng biệt của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Nhìn chung, những công trình này chưa đề cập nhiều và chi tiết đến vấn đề đời sống tôn giáo của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đặc biệt là của cộng đồng tín đồ thuộc huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Trong giới hạn của bài viết, chúng tôi đề cập đến đặc điểm nghi lễ tôn giáo tại tư gia của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, là một phần trong đời sống tôn giáo của tín đồ theo đạo. Nội dung nghiên cứu sẽ góp phần đem lại cái nhìn tổng thể về hoạt động nghi lễ, nghi thức tôn giáo với những quy định riêng mang màu sắc đặc trưng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Để tiếp cận được thông tin chính xác và thực tế về nội dung nghiên cứu, chúng tôi áp dụng một số phương pháp nghiên cứu: *Thứ nhất*, là phương pháp quan sát tham dự. Bằng phương pháp này, chúng tôi thực hiện điền dã tại bốn thôn: An Hòa, An Định, An Thành, An Lập, thuộc huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Trong thời gian nghiên cứu, chúng tôi tham dự vào các lễ cúng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa diễn ra tại tư gia và các cơ sở thờ tự của Đạo, được trực tiếp quan sát, cảm nhận và nắm bắt thông tin về vấn đề nghiên cứu. *Thứ hai*, là phương pháp phỏng vấn sâu. Chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu nhằm thu thập những thông tin từ các chủ thể nghiên cứu theo chủ định của mình qua các cuộc đối thoại. Chủ thể được phỏng vấn mà chúng tôi hướng đến là các thông tin viên có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến đề tài, như: chức sắc (ông Gánh, Cư sĩ) và tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Từ những thông tin phỏng vấn, sử dụng để phân tích và chứng minh cho các vấn đề nghiên cứu bằng hình thức trích dẫn nội dung phỏng vấn. *Thứ ba*, phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp, được tiến hành trên các tư liệu, tài liệu ở nhiều lĩnh vực, từ tôn giáo, văn hóa, lịch sử đến dân tộc, có liên quan đến đề tài. Từ những nguồn tư liệu này, bài viết phân tích, tổng hợp trình bày về nghi lễ diễn ra tại tư gia theo hai nhóm nghi lễ, gồm: nhóm nghi lễ diễn ra hàng ngày và nhóm nghi lễ gắn với các sự kiện quan trọng của gia đình.

1. Nghi thức tụng niệm hai thời công phu

Vì tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa là cư sĩ tại gia nên ngôi nhà của họ vừa là nơi ở, vừa là nơi tu hành. Từ việc thờ phụng cho đến thực hành nghi thức tôn giáo đều được tín đồ chấp hành nghiêm túc.

Trong hành xử thường nhật, ngoài việc tuân thủ *Tứ trọng ân* và *Thập nhị giáo điều*, tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn phải thực hiện hai thời công phu. Thời hôm vào giờ Dậu (lúc 17h00' – 19h00') và thời mai vào giờ Mẹo/Mão (lúc 5h00' – 7h00'), mà theo tác giả Đinh Văn Hạnh trong *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam Bộ 1867-1975* gọi là lễ Thái Dương và lễ Thái Âm. Tuy nhiên, trong thực tế, thời gian thực hành công phu của tín đồ khá linh hoạt, có thể sớm hoặc trễ hơn. Theo chia sẻ của một tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa thì: “Trong ngày, thời sáng bắt đầu lúc 5h00', thời chiều 6h00'. Tuy nhiên, vì lý do nào

đó mà công phu thời chiều có thể bắt đầu muộn hơn. Về niềm tin, có người cho rằng các “Vị” đến chứng giám việc công phu lúc bảy giờ tối nên sẽ bắt đầu khi đó” (pvs, Bùi V.Đ., Nam, 1974, Cư sĩ, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015).

Mục đích của việc tụng niệm hai thời công phu là giúp tín đồ diệt trừ bản tính lười biếng, mà siêng năng trau dồi tu tập, làm cho thân tâm được tinh tấn, để làm điều tốt. Khi thực hiện công phu, tín đồ phải giữ thân sạch sẽ, tập trung tư tưởng với đức tin mạnh mẽ vào đạo và diệt trừ mọi tà niệm.

Nghi thức công phu được thực hiện gồm ba phần: lễ bái các bàn thờ trong nhà, tụng kinh và niệm pháp.

Đến mỗi thời công phu, tín đồ dâng nước cúng lên các bàn thờ, thường là nước mát. Riêng bàn Thông Thiên, người ta đặt thêm hai chum gạo, muối. Họ thắp số hương đúng theo số bàn thờ được thờ tự trong nhà và đến trước bàn thờ Phật niệm bài *Nguyện hương*, trong tư thế thẳng đứng, hai tay chấp hương. Xong, “tín đồ niệm tổng thể tên hiệu các vị: Thập phương Tam thế Phật, Chư tôn Bồ tát, Hội đồng Thượng Phật, Tam giáo Đạo sư, Tiền tổ hậu sư, Chánh tăng Đạo sư, rồi xá một xá” [Nguyễn Hữu Nghi, 2009: 21]. Việc làm này như thể trình báo để các vị chứng giám cho việc tín chủ thực hiện công phu. Hương được dâng lên các ngôi thờ trong nhà theo trình tự, mà trước hết là bàn thờ Phật và sau cùng là bàn thờ Cửu huyền thất tổ nội, ngoại. Tín đồ đứng trước bàn thờ Phật chấp tay và niệm: *Nam mô Hội đồng thượng Phật, Bồ tát ma ha tát* (mỗi lần niệm xong, xá một cái, niệm ba lần). Niệm xong, tín đồ thực hiện nghi lễ lạy ở tất cả các bàn thờ. Nghi thức lạy này được thực hiện theo trình tự quy định như sau: “Bàn thờ Phật trước rồi đến bàn thờ Tổ sư, bàn thờ Thông Thiên, bàn thờ Tam giáo hỏa lầu, bàn thờ Cửu phẩm, bàn thờ Thập vương, bàn thờ Hộ pháp và cuối cùng là bàn thờ Cửu huyền thất tổ nội, ngoại” [Nguyễn Hữu Nghi, 2009: 22]. Số lần lạy cũng có sự khác nhau cho từng đối tượng thờ tự, có thể ba, bốn hoặc sáu lần, nhưng bắt buộc là sáu lần đối với bàn thờ Phật và bốn lần đối với bàn thờ Đức Bồ sư.

Phần tiếp theo của một thời công phu là tụng kinh. Việc tụng kinh không chỉ đơn giản là đọc các bài kinh theo quy định mà còn kết hợp

đánh chuông, gõ mõ. Trước khi tụng niệm, người tín đồ ngồi bán già trước bàn kinh có đặt chuông, mõ và thực hiện nghi thức khai chuông, khai mõ. Nghi thức này đơn giản. Tín đồ hai tay chấp dùi chuông hoặc dùi mõ ngang ngực đồng thời mật niệm bài *Khai chung chú* hoặc bài *Khai mõ chú*. Xong, tay trái cầm dùi chuông, tay phải cầm dùi mõ, đánh một tiếng chuông, một tiếng mõ liên tiếp ba lần, rồi tay phải cầm dùi chấp ngang ngực đọc bài *Lư hương tán*. Nội dung chính trong tụng kinh là tín đồ sẽ niệm các bài kinh họ dự định tụng, nhưng trước khi tụng, họ phải niệm ba lần câu “Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật”. Những bài kinh được tụng thường là “Bổ khuyết tâm kinh, Chuẩn đề chú, Tiêu tai chú, Thái âm kinh hoặc Thái Dương kinh, Bồ khuyết chơn ngôn, Vãng sanh thần chú, Phúng kinh” [Nguyễn Hữu Nghi, 2009: 23]. Không bắt buộc tín đồ phải tụng tất cả các quyển kinh trong một thời công phu, mà tùy vào sức khỏe của từng người. Phần cuối của tụng kinh là *Bái nguyện*. Tín đồ sẽ nguyện *Quan âm*, nguyện *Thập điện*, nguyện *Tam cõi cộng đồng*, nguyện *Tiêu*, với mỗi câu nguyện đánh một tiếng chuông và lạy một lạy. Nếu muốn dừng buổi công phu, tín đồ đến lạy bàn thờ Phật sáu lạy, bàn thờ Đức Bổn sư bốn lạy, rồi nghỉ hoặc niệm pháp.

Phần niệm pháp (lần chuỗi): Niệm pháp là hình thức hộ duyên cho người tu Phật về chính niệm để khỏi bị tạp niệm xen vào, là cái thước làm chừng mực cho việc định tâm niệm Phật. Lần chuỗi gắn liền với niệm Phật. Người tu theo pháp môn Tứ Ân Hiếu Nghĩa có hai xâu chuỗi, là chuỗi trường có 108 hạt và chuỗi tay có 18 hạt, với hạt chuỗi được làm từ hạt cây hườn (Cây hườn là loại cây có nét tương đồng với cây bồ đề, chỉ khác ở một vài chi tiết mà người ở đây mới dễ dàng nhận biết được. Nó cũng được trồng nhiều ở đình, chùa và công trình thờ tự khác của đạo tại Ba Chúc, Tri Tôn), hoặc hạt cây bồ đề. Tín đồ được cho phép mang theo xâu chuỗi bên mình bất kỳ thời điểm nào, để thuận lợi khi cần niệm Phật. Học niệm pháp không đơn giản, phải có người đã hiểu biết chỉ dạy, vì khá phức tạp. Chẳng hạn, quy định khi lần chuỗi thì tay trái cầm chuỗi đặt trước ngực trái ngang tim, tay phải bắt ấn để sát vào ngực. Ngón trỏ và ngón cái bàn tay trái lần hạt chuỗi. Mỗi một hạt niệm một câu Phật hiệu hoặc một câu chú theo quy định. Niệm đủ một vòng chuỗi thì đọc câu niệm khác và bắt ấn

khác. Việc bắt ấn phải học và có sự quy định riêng. “Đối với niệm pháp trường, cách niệm chung cho cả nam lẫn nữ thì có chín câu chú với chín tay ấn. Niệm pháp tay thì có tám câu chú tám tay ấn đối với nam và có 11 câu chú 11 tay ấn đối với nữ” [Nguyễn Hữu Nghi, 2009: 24]. Việc lần chuỗi niệm pháp này gọi là công cứ và mỗi tín đồ sẽ ghi vào sổ (gọi là sổ ghi công cứ), để dành cúng ông bà hoặc những vong linh người đã mất trong những ngày giỗ, vía.

Như vậy, một thời công phu đầy đủ phải được thực hiện theo trình tự các bước như trên. “Trung bình thời gian một thời công phu mất khoảng một giờ đến một giờ rưỡi đối với những người tu học tinh tấn, còn những tín đồ mới quy y thì mất khoảng 15 - 30 phút vì họ chỉ tụng kinh Thái Âm hoặc Thái Dương thôi” (pvs, Bùi V.Đ., Nam, 1974, Cư sĩ, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015). Thời gian này đòi hỏi người công phu phải giữ được tâm thanh tịnh, không bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài. Làm được điều này, người tín đồ phải có thời gian tập luyện, cũng như có niềm tin tuyệt đối vào Đạo.

2. Những nghi lễ gắn với sự kiện quan trọng của gia đình

Những sự kiện quan trọng của mỗi người không gì ngoài các vấn đề hôn, quan, tang, tế. Đối với tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, trong những dịp này, họ có những nghi thức gắn liền với tôn giáo, mà thể hiện rõ nhất ở vấn đề hôn nhân và tang ma. Bên cạnh đó, vì Đạo vốn đề cao hiếu nghĩa nên sự hiếu thuận với ông bà cha mẹ, cũng như tình nghĩa giữa thân bằng với nhau, là một trong những tiêu chí hàng đầu, mà mỗi tín đồ hướng đến sự hoàn thiện, để đủ tư cách cho việc học Phật. Trong năm, ngoài những sự kiện quan trọng liên quan đến hôn, quan, tang, tế, tín đồ rất quan tâm đến những nghi lễ dành cho người thân đã mất. Vì vậy, ở nội dung này, chúng tôi sẽ trình bày ba vấn đề là hôn nhân, tang ma và giỗ kỵ.

2.1. Trong hôn nhân

So với hôn nhân cổ truyền của người Việt nói chung, người Việt theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Tri Tôn khi thực hiện việc hôn nhân vẫn giữ được những lễ tiết truyền thống với lục lễ. Tuy nhiên, do ảnh

hưởng bởi yếu tố tôn giáo, hôn nhân của tín đồ theo đạo có một số nghi thức hoàn toàn khác, cũng như thể hiện rõ nét màu sắc tôn giáo.

Việc nhờ người đại diện làm ông mai bà mối cho những cuộc hôn nhân là điều không xa lạ trong truyền thống cưới hỏi của người Việt. Đối với tín đồ theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, họ cũng có hình thức này trong hôn nhân nhưng điểm khác biệt nổi bật là ở người được chọn làm mai mối. Ông Gánh là người được chọn ưu tiên hàng đầu và là điều vô cùng hãnh diện cho những gia đình được ông Gánh đồng ý nhận lời mời đứng ra kết nối cho hôn sự của con cái họ. Bên cạnh vai trò là người mai mối, ông Gánh còn thực hiện thêm trọng trách xem tuổi, chọn ngày và điều hành các nghi thức trong lễ cưới. Người tín đồ theo đạo rất tin vào điều này và xem đó là cực kỳ quan trọng, tuyệt đối không được cãi lại những gì ông Gánh phán. Ông Gánh bằng kinh nghiệm và việc xem sách vở được truyền qua nhiều đời sẽ xem tuổi cho đôi trai gái và cả cha mẹ hai bên nhà để xác định đôi trẻ có hợp nhau không, sợ bị xung khắc, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc sau này. “Nếu quá xung khắc, ông Gánh thường khuyên từ bỏ hôn nhân, còn như hợp, được tuổi, hoặc không đến nỗi quá xấu thì ông Gánh coi ngày tiến hành làm lễ Giáp lời và Đám nói (thường gọi là lễ Đại đăng khoa)” [Đinh Văn Hạnh, 1999: 217]. Ngoài trường hợp xung khắc tuổi, Đạo còn quy định những người cùng họ với nhau, dù trực hệ hay không trực hệ, cũng không được lấy nhau. Lý giải cho vấn đề này, tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa cho rằng, “Đạo đã trải qua nhiều biến cố, thân bằng phải nhiều lần ly tán nên lo ngại những trường hợp trùng tên họ này có thể là người thân của nhau” (pvs, Ngô V.N, 1934, Nam, Ông Gánh, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015).

Sau thủ tục xem tuổi và chọn ngày xong, các nghi lễ của hôn nhân lần lượt được thực hiện. Hôn nhân của người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trải qua sáu lễ lớn nhỏ với cách thể hiện mang nét riêng của Đạo.

Lễ Giáp lời: Đây là nghi lễ hai gia đình gặp mặt nhau để trao đổi cụ thể việc cưới hỏi của đôi trẻ. Dù đã được ông Gánh trao đổi với nhà gái trước đó nhưng trong ngày này, nhà trai vẫn sang nhà gái đề cập

lại, nói rõ giờ, ngày tiến hành lễ Đại đăng khoa và đưa sính lễ cho nhà gái một số tiền để tổ chức lễ.

Lễ Đại Đăng khoa: Tiếp theo sau lễ Giáp lời là lễ Đại Đăng khoa. Trước khi diễn ra, một nghi thức được thực hiện tại tư gia mà chỉ tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa mới có, đó là chú rể mang áo dài đen và khăn đóng sẽ mặc trong lễ cưới của mình đến trước bàn thờ gia tiên tiến hành lễ cúng. Nghi thức này với ý nghĩa trình báo với ông bà tổ tiên về việc hôn sự sắp diễn ra. Đây là một trong những nét riêng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa trong vấn đề hôn nhân. Đến ngày diễn ra lễ Đại Đăng khoa, nhà trai mang sang nhà gái sinh lễ là một khay trầu rượu và ba đôi đăng. Khai lễ sẽ được nhà gái đặt lên bàn thờ gia tiên sau khi thực hiện nghi thức vái lạy, rồi thắp ba đôi đăng lên ba bàn thờ với “Một đôi thắp lên bàn thờ Tây Phương cực lạc, một đôi thắp lên bàn thờ Cửu huyền bên nội và một đôi thắp lên bàn thờ Cửu huyền bên ngoại” (pvs, Ngô V.N, 1934, Nam, Ông Gánh, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015). Đây lại là một nét riêng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, khác so với nghi thức truyền thống của người Việt, là chỉ có một đôi đăng được thắp lên bàn thờ Cửu huyền. Điều này thể hiện lòng kính trọng đến ba đối tượng là trời Phật, ông bà đã mất cả bên vợ và bên chồng. Thắp đăng xong, mọi người tham dự cùng vái lạy trước các bàn thờ trong khi nghi thức truyền thống của người Việt thì không có. Sau lễ Đại Đăng khoa và trước khi đến lễ cưới diễn ra, có thêm hai lễ nghi khác lần lượt được diễn ra là lễ Nạp tế và lễ Phụ ngộ.

Lễ Nạp tế: Sau ngày lễ Đại đăng khoa, “trong vòng từ ba đến bảy ngày, nhà trai sang nhà gái làm lễ Nạp tế. Lễ nạp tế là lễ mà nhà trai đưa cho nhà gái một khoản tiền theo yêu cầu của nhà gái để họ làm đám cưới” [Đinh Văn Hạnh, 1999: 218]. Trong ngày này, có hai việc nhà trai phải làm là thông báo cho nhà gái về ngày giờ tổ chức lễ cưới đã được nhà trai nhờ ông Gánh chọn và đưa tiền cho nhà gái để tổ chức lễ cưới. Sính lễ nhà trai mang sang khá đơn giản chỉ là khay lễ với trầu và rượu. Họ cũng thực hiện các lễ thức trình lạy trước bàn thờ gia tiên của nhà gái.

Lễ Phụ ngõ: Lễ này được diễn ra trước lễ cưới khoảng từ một đến ba ngày. Nghi lễ này hoàn toàn không có trong hôn nhân cổ truyền của người Việt, thể hiện được nét đặc trưng của đạo. Cô dâu cùng chú rể sắm sửa lễ vật quen thuộc là khay lễ có trầu và rượu đến nhà ông Gánh với mục đích mời ông Gánh dự lễ cưới của họ và xin phép ông Gánh được ra Tam Bửu gia của Gánh trình lạy trước bàn thờ Thầy Tổ. Khi thực hiện nghi thức tại Tam Bửu gia, họ phải chuẩn bị một khay trầu rượu khác, mặc áo dài đen khăn đóng, cùng ông Gánh và cha mẹ hai bên lạy bàn thờ Thầy Tổ và các bàn thờ khác. Ý nghĩa của nghi lễ này là “trình báo Thầy Tổ về việc hôn sự của đôi trẻ và sự kết tình thông gia của hai nhà trước sự chứng giám của ông Gánh” (pvs, Ngô V.N. Nam, 1934, Ông Gánh, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015).

Lễ Cưới (Tiêu đăng khoa): Sau các lễ thức phụ thì lễ thức chính của hôn nhân được diễn ra. Vào ngày cưới, bên cạnh khay lễ trầu rượu và ba đôi đăng, nhà trai còn mang sang nhà gái các phẩm vật khác gồm bánh ngọt, trái cây, trà rượu. Toàn bộ những phẩm vật này được nhà gái tiếp nhận và đặt lên hậu tợ của bàn thờ Cửu huyền tại tư gia. Tiếp đến, ông Gánh đứng ra đại diện điều khiển nghi lễ trước sự hiện diện của hai bên gia đình theo nguyên tắc nhà trai đứng bên trái và nhà gái đứng bên phải đối diện bàn thờ Phật. Ba đôi đăng được thắp lên ba bàn thờ cũng như trong lễ Đại Đăng khoa. Sau đó, ông Gánh “đọc bài Nguyễn hương chú và sui gia trai gái mỗi người cầm ba cây hương cùng nguyện theo. Kết thúc bài nguyện, ông Gánh đọc thêm câu: Nguyễn cầu cho cô dâu tên (...) và chú rể tên (...) nên duyên cầm sắt, kết tóc trăm năm, hạnh phúc trọn đời” [Đinh Văn Hạnh, 1999: 219]. Sau đó, các cư sĩ đi cùng ông Gánh tụng kinh *Bát Dương, Phổ Môn*. Cuối lễ, cô dâu chú rể quỳ lạy trước bàn thờ, rồi lạy ông Gánh và những người khác trong thân tộc, dòng họ. Nhà trai rước dâu về tới nhà cũng thực hiện đầy đủ các nghi thức như vậy. Trong lễ cưới của người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thức ăn chiêu đãi khách chỉ là dèo, ngọt, cơm, cá và những thức ăn khác mà không phải thịt thuộc 12 con giáp. Thật dễ nhận thấy, yếu tố tôn giáo đã chi phối khá nhiều trong

nghi thức cưới hỏi của tín đồ theo đạo. Sau lễ cưới, lễ thức cuối cùng của hoạt động cưới hỏi được thực hiện là lễ Phán bái.

Lễ Phán bái: Sau lễ cưới ba ngày, nhà trai dẫn cô dâu và chú rể về nhà gái thắp hương vái lạy trước bàn thờ nhà vợ. Sau lễ này, việc hôn nhân xem như đã hoàn tất.

2.2. Trong tang ma

Nếu như nghi lễ hôn nhân của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa phản ánh nhiều màu sắc của đạo thì nghi lễ tang ma của tín đồ cũng thể hiện được điều đặc trưng riêng đó. Về cơ bản, nghi lễ tang ma của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Tri Tôn (An Giang), bên cạnh những nghi thức tang ma truyền thống của người Việt, còn mang nét riêng của đời sống tôn giáo này.

Vì xem trọng yếu tố lễ cũng như đề cao vai trò của ông Gánh cho nên trong tang ma, nhiều nghi thức được diễn ra và gắn bó với ông Gánh. Ngay từ lúc trong nhà có người bị bệnh nặng, thân nhân đã đến trình ông Gánh để nhờ tụng kinh cầu an. Nếu bình thường, chỉ “nhờ ông Gánh đến tụng kinh cầu an cho cha mẹ lớn tuổi bệnh nặng thì chỉ cần trình miệng là được, còn nếu nhà có người chết thì gia chủ phải sắm khay lễ đến trình ông Gánh” (pvs, Ngô V.N, 1934, Nam, ông Gánh, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015), để nhờ đến chứng giám và lo tang sự. Đồng thời, một khay lễ với trầu, rượu và đôi đăng được gia chủ chuẩn bị để đem đến Tam Bửu gia trình báo tại bàn thờ Thầy Tổ.

Khi một gia đình người tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có người thân qua đời, họ tiến hành tổ chức đám xác (đám tang). Nhận được trình báo của thân bằng trong Gánh, “ông Gánh và các cư sĩ được phân công sẽ thực hiện các nghi thức cho người chết như xé tang, viết bài khâm, lập bàn thờ, tắm liệm, ép lòng phái và bùa chú” (pvs, Ngô V.N, 1934, Nam, ông Gánh, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015). Trong đó, quan trọng nhất là phần khâm liệm cho người chết gọi là lễ *Nhập mật*. Sau khi người chết được tắm rửa, thay quần áo mới, ông Gánh tiến hành ép lòng phái và các bùa chú¹.

Vì không dùng quan tài bằng gỗ nên đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa thực hiện việc khâm liệm cho người chết với hình thức của riêng họ. Người chết “được kẹp bằng bảy thanh tre (đối với nam) và chín thanh tre xung quanh (đối với nữ). Những thanh tre này gọi là *võng nội*. Bên ngoài võng nội được buộc ba dải vải trắng lớn qua vai, lưng - bụng và chân, gọi là *võng ngoại*. Xong, con trai trưởng hoặc út đỡ đầu chuyển người chết vào tấm khâm, là một tấm vải lớn may ba chiều để luôn xác chết vào” [Đinh Văn Hạnh, 1999: 223]. Bên ngoài khâm, người ta buộc thêm ba dải vải trắng nữa, như thế, họ đem thi hài người chết chôn trực tiếp vào huyết đất. Tuy đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa không sử dụng quan tài bằng gỗ cho người chết, nhưng cách làm quan tài như vậy thì không đơn giản và cũng không thiếu sự tôn trọng đối với thân xác người đã chết.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa quan niệm “tử là táng”, nghĩa là chết phải chôn. Cho nên, nhà có người chết thì chôn liền trong ngày. Nhưng đối với những trường hợp vì nguyên nhân nào đó phải quản xác chết tại nhà nhiều hơn một ngày, gia chủ phải nhờ ông Gánh coi chọn ngày tốt để chôn cất. Việc coi ngày “nhằm chọn được ngày tốt, giờ tốt để chôn cất và đặc biệt là nhằm không kỵ với tuổi của vợ/chồng và con cháu trong nhà” (pvs, Ngô V.N, 1934, Nam, ông Gánh, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015). Dù được chôn liền trong ngày hay quản lại nhà, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa vẫn thực hiện một nghi thức quan trọng là cúng *Tịnh độ*² bởi ông Gánh và các cư sĩ trong Gánh.

Bước chôn cất là khâu cuối cùng trong đám xác của tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và được thực hiện khá đơn giản. Khi đoàn đưa tang tới huyết, người điều hành thực hiện nghi lễ tụng kinh *Bát dương* và hạ huyết. Ngay sau đó, ông sẽ tụng kinh làm lễ mở “cửa mả” và dẫn vong về an vị tại bàn thờ trong nhà. Nghi thức này hoàn toàn khác với nghi thức truyền thống của người Việt. Vì theo truyền thống, người ta phải đợi đến ba ngày sau mới mở cửa mả và thực hiện khá rườm rà các nghi thức, như gà trống kê vong hồn người chết về, dựng thang chuối để vong hồn đi lên...

Sau khi đã chôn cất người quá cố, gia đình thực hiện các lễ *Tuần thất* (bảy ngày một lần), *Chung thất* (49 ngày), *Bách nhật* (100 ngày),

Tiểu tường (giáp năm), *Đại tường* (mãn tang sau hai năm) giống như truyền thống một số vùng của người Việt. Tuy nhiên, từng lễ cúng này lại có những nét mang đặc điểm riêng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

2.3. Trong ngày giỗ người quá cố

Một nét đẹp trong văn hóa của người Việt là tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên. Đã là người Việt, dù theo tôn giáo nào, trong nhà vẫn có một bàn thờ trang nghiêm để thờ cúng ông bà tổ tiên. Đối với tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nét đẹp đó càng được đề cao và phát huy hơn nữa. Họ xem đó là một trong *Tứ trọng ân* mà mỗi tín đồ theo đạo phải ghi nhớ và thực hiện. Hiếu nghĩa không chỉ thực hiện đối với ông bà cha mẹ khi còn tại thế mà còn tiếp tục khi ông bà cha mẹ đã qua đời. Đối với ông bà cha mẹ đã quá cố, người tín đồ tiến hành giỗ cúng rất trang nghiêm và thành kính. Người nhiều tiền tổ chức lớn, người ít tiền tổ chức nhỏ, thậm chí người không tiền vẫn tổ chức bằng cách cúng hùn.

Sau khi người chết được hai năm, lễ xả tang đã được tiến hành thì từ năm thứ ba, người nhà bắt đầu tổ chức cúng giỗ cho người quá cố. Cúng giỗ được người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa gọi là cúng *Đối kỵ*. Cúng *Đối kỵ* sẽ được diễn ra đúng ngày mất của người thân trong nhà, giống như cúng giỗ truyền thống của người Việt. “Mục đích của lễ cúng này là để anh em dòng họ tập hợp về, thanh thân bằng niệm kinh pháp, gửi tiền cho người thân đã chết” (pvs, Phạm V.A, 1976, Nam, Cư sĩ, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015).

Để chuẩn bị cho ngày cúng *Đối kỵ*, người ta phải chuẩn bị nhiều thứ, gồm phẩm vật dâng cúng, giấy điệp, mời thân bằng đến dự... Phẩm vật dâng cúng cũng tương tự như phẩm vật dâng cúng trong các lễ vía ở chùa, đình, miếu, với hương, hoa, đăng, trà, quả và thực, nhưng phần thực hầu hết các nhà đều chế biến các món mặn làm từ cá hay các loài thủy hải sản khác, bên cạnh dẻo và ngọt bắt buộc phải có. Một loại phẩm vật không thể thiếu trong cúng *Đối kỵ* là giấy tiền và giấy ngũ sắc. Tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa “cúng tiền giấy cho người chết với nhiều loại tiền của nhiều thời kỳ khác nhau, như tiền Thiên Minh, Vĩnh Trị, Thái Bình, Quan Anh...” [Đinh Văn Hạnh, 1999: 213]. Đồ hàng mã họ cúng cho người chết là giấy ngũ sắc tượng trưng cho chất liệu vải để cho người chết may quần áo, sử dụng ở thế giới

của họ. Giấy ngũ sắc được cuộn thành những ống tròn, dài ngắn khác nhau, rồi kết thành hình khối, mà chủ yếu là theo hình trụ đứng. Số lượng được quy định rõ ràng. Trên mỗi tờ giấy cuộn tròn đều được đóng con dấu của Gánh. Tất cả được bày biện trên bàn thờ trông rất đẹp mắt cùng với những phẩm vật khác và sẽ được đốt đi sau khi lễ cúng kết thúc.

Cúng Đối kỵ được thực hiện từng bước theo quy trình nhất định của đạo. Lễ được diễn ra trong ba ngày với ngày đầu cúng Tiên, ngày thứ hai cúng Phần giấy, ngày thứ ba cúng Hậu. Trong cúng Đối kỵ không có phần cúng Khai kinh và cúng Ngọ khuya, cũng như thay vì đọc và dâng sớ thì đọc và dâng sách điệp.

Khác với giỗ truyền thống của người Việt ở Nam Bộ, người ăn giỗ thường mang phẩm vật đến cúng người mất như trà, bánh, hương, hoa, quả, gà vịt hay các loại gia vị như đường, bột ngọt, hay tiện gọn và thực tế hơn là tiền. Người tham dự cúng Đối kỵ trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa rất ít đem những phẩm vật như vậy, mà nếu có thì chỉ là một ộp nhang, một gói trà hay một ít trái cây, nhưng “một phẩm vật đặc biệt không thể thiếu mà tín đồ theo đạo rất quý là kinh pháp. Người đến dự cúng cho người mất bao nhiêu phần kinh pháp thì khi đi đám cúng của nhà người đó, gia chủ trả lễ cũng bằng ấy phần kinh pháp” (pvs, Phạm V.A, 1976, Nam, Cư sĩ, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015).

Cúng Đối kỵ là dịp con cháu thể hiện lòng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ đã mất. Lòng hiếu thảo đó được thể hiện một phần qua các hiện vật là tiền giấy gửi cho người chết và điều quý hơn là kinh pháp. Con cháu trong nhà, cùng thân bằng đồng đạo niệm kinh pháp, cúng cho người chết để “cầu mong vong linh người quá vãng được siêu thoát” (pvs, Phạm V.A, 1976, Nam, Cư sĩ, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015).

Bên cạnh cúng Đối kỵ, trong năm, tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn thực hiện cúng ông bà tổ tiên trong ngày Chánh đán và Đoan ngũ. Cúng Chánh đán được diễn ra vào dịp đầu năm, thực hiện trong thời gian của ba tháng, từ tháng giêng đến tháng ba âm lịch. Cúng Đoan

ngũ cúng vào dịp tết Đoan Ngọ, diễn ra trong thời gian của hai tháng, tháng năm và tháng sáu âm lịch. Cả hai lễ cúng này đều được diễn ra hai lần trong mỗi gánh. Lễ sẽ được diễn ra chung tại Tam Bửu gia của mỗi gánh và sau đó là lễ diễn ra tại nhà riêng của mỗi tín đồ. Kết thúc buổi cúng tại Tam Bửu gia, tín đồ mang khay lễ đến trước bàn thờ Cửu huyền bên nội, bên ngoại trình và thỉnh ông bà về nhà riêng để cúng Chánh đán hoặc Đoan ngũ. Vào ngày này, mỗi nhà chuẩn bị phẩm vật đầy đủ lên các trang thờ trong nhà với lục phẩm, nhiều ít phụ thuộc vào điều kiện từng nhà.

Đối với những gia đình “có điều kiện kinh tế khó khăn, không thể tự tổ chức cúng tại nhà riêng, hoặc trường hợp tín đồ ở xa bất tiện trong việc mời cư sĩ, thân bằng đến tụng kinh, niệm pháp, họ có thể tổ chức lễ cúng này chung tại Tam Bửu gia, hoặc cúng chung với một thân bằng trong gánh nếu được sự đồng ý của gia chủ. Hình thức này được gọi là cúng hùn” (pvs, Phạm V.A, 1976, Nam, Cư sĩ, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015). Phần lớn, việc cúng hùn thường được diễn ra ở Tam Bửu gia. Gia đình xin cúng hùn đóng góp tài chính hay công sức tùy theo điều kiện mà không có sự quy định nào. Thông thường, họ sẽ tự chuẩn bị một ít kẹo ngọt làm ở nhà mang đến, bên cạnh là giấy tiền, giấy ngũ sắc được kết thành khối sẵn, hoa quả, hương, đăng. Được sự hướng dẫn của cư sĩ trong gánh, người nhà bày trí bàn thờ ông bà mình với đầy đủ các phẩm vật đã được chuẩn bị. Khi kết thúc lễ cúng, chính họ sẽ đem những phẩm vật như tiền giấy và giấy ngũ sắc đốt cho người thân của mình nơi cõi âm.

Nhận thấy, việc cúng hùn của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa là một hoạt động rất hay, vừa thể hiện được tính cố kết cộng đồng, vừa thể hiện tinh thần nhân văn sâu sắc. Thân bằng trong gánh có sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Việc làm này giúp cho khối đoàn kết trong đạo được nâng lên, đồng thời giúp tín đồ trong đạo có điều kiện gìn giữ những nét đẹp trong nghi thức thực hành tôn giáo của Đạo.

Kết luận

Đời sống tôn giáo của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa biểu hiện ở niềm tin tôn giáo, nghi thức thờ phụng và việc thực hành nghi lễ tôn giáo. Đối với việc thực hành nghi lễ tôn giáo, thể hiện rõ nét nhất qua các lễ

cúng. Trong năm, tín đồ theo đạo ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang phải thực hiện rất nhiều lễ cúng lớn nhỏ. Từ quy mô chung của cộng đồng cho đến tại gia, tín đồ theo đạo đều thực hiện nghiêm túc với lòng thành kính. Tín đồ theo đạo có niềm tin mãnh liệt, tin vào một thế giới tốt đẹp ở tương lai mà Thầy Tổ hướng đến cho đệ tử. Niềm tin đó được cụ thể hóa thành các hoạt động thực hành tôn giáo, như công phu hai thời tại tư gia của mỗi tín đồ hàng ngày. Tất cả nhằm hướng đến mục tiêu của việc “học Phật tu nhân” và tích góp đủ “nội lực” để đạt được mục đích cao cả nhất là hưởng một cuộc sống tốt đẹp ở thế giới tương lai. Qua đời sống đạo của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa, chúng tôi nhận thấy được những giá trị văn hóa độc đáo, mang đặc trưng của một tôn giáo bản địa, góp phần làm phong phú và tạo sự hấp dẫn cho văn hóa của địa phương An Giang. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 “Lòng phái được treo ở trước ngực, tờ Thế độ đắp lên ngực, tờ Tiên sanh đắp ở mặt, tờ Thái kiệt đắp ở tay (nam tả, nữ hữu). Việc ép lòng phái có ý nghĩa vừa để chống ma quỷ quấy phá xác chết, vừa là một loại giấy thông hành để vong hồn người chết giữ bên người khi đến cõi khác” (pvs, Ngô V.N, 1934, Nam, ông Gánh, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015).
- 2 “Cúng Tịnh độ diễn ra mỗi ngày ba hiệp là sáng, chiều và tối. Việc làm này có ý nghĩa cầu Phật A Di Đà và các vị Như Lai độ cho vong linh người chết, giúp dẫn lối cho vong linh theo con đường tu hành để được giải thoát, không chịu cảnh đọa đày nơi địa ngục” (pvs, Ngô V.N, 1934, Nam, ông Gánh, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, An Giang, 2015).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ, Trường Nghiệp vụ công tác tôn giáo (2015), *Tập tài liệu Tôn giáo và công tác tôn giáo*, Hà Nội.
2. Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc (2005), *Tôn giáo tín ngưỡng của các cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông, Cà Mau.
3. Hà Tân Dân (1971), *Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa*, Nxb. Tủ sách sưu khảo tư liệu Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.
4. Đinh Văn Hạnh (1999), *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt ở Nam Bộ (1867-1975)*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Hội đoàn Tứ Ân Hiếu Nghĩa (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, lần thứ II, nhiệm kỳ 2015 – 2020*, An Giang.

6. Nguyễn Hữu Nghi (2009), *Hiếu Nghĩa pháp môn*, Văn phòng Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa (An Giang).
7. Đặng Văn Tuấn (2012), *Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và ảnh hưởng của nó đối với cộng đồng người Việt ở Nam Bộ hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Phong Vũ (2016), *Đời sống tôn giáo của tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. HCMh.
9. Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang (2007), *Địa chí An Giang - tập 2*, An Giang.

Abstract

FEATURES OF RELIGIOUS RITES AT THE BELIEVERS' PRIVATE HOUSES OF TU AN HIEU NGHIA RELIGION IN TRI TON DISTRICT, AN GIANG PROVINCE

Nguyễn Phong Vũ

An Giang University, VNU-HCM

Tri Ton (An Giang) is the chosen land of the Tu An Hieu Nghia religion from its beginning with many vicissitudes, and the development over more than a hundred years. It is considered the holy land of the Tu An Hieu Nghia religion because of the density of the number of believers, worship facilities, and religious activities. Every day, pious believers still persevere in practices according to the teachings of their Teacher- Ngo Loi. They do not only participate in worshipping ceremonies taking place at worship facilities of the religion but they also seriously practice rituals taking place at private houses. These rituals are still preserved and passed down through generations. They are associated with family events such as weddings, and funerals. Followers of Tu An Hieu Nghia always show their beauty and uniqueness in religious life. This article presents the characteristics and meanings of rituals at the followers' private houses of Tu An Hieu Nghia in Tri Ton, An Giang.

Keywords: Tu An Hieu Nghia, rituals, marriage, funerals, death anniversary, Tri Ton, An Giang.